

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
Đô thị Sài Đồng**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý III năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất | 3 - 4 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 5 - 6 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 7 - 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 9 - 44 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103040736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2009. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 1 tháng 4 năm 2016

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, cung cấp hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học, cung cấp hoạt động nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|-----------------------|------------|
| Ông Phạm Thiếu Hoa | Chủ tịch |
| Bà Mai Hương Nội | Thành viên |
| Bà Trần Hoài An | Thành viên |
| Bà Ngô Mai Chi | Thành viên |
| Bà Võ Thị Phương Thảo | Thành viên |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | |
|---------------------|------------|
| Bà Trần Thanh Mai | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Minh Đức | Thành viên |
| Ông Đinh Ngọc Lân | Thành viên |

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| | | |
|----------------------|----------------|--------------------------------------|
| Bà Trần Hoài An | Tổng Giám đốc | |
| Bà Phạm Thị Kim Dung | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Hữu Thanh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2017 |
| Bà Mai Thu Thủy | | |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Trần Hoài An.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho quý III năm 2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Giám đốc:



Trần Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 10 năm 2017.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 10.937.693.593.049 | 8.372.662.437.719 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 282.404.841.930 | 170.396.873.128 |
| 111 | 1. Tiền | | 265.104.841.930 | 153.096.873.128 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 17.300.000.000 | 17.300.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 3.951.132.445.181 | 2.973.939.032.554 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5.1 | 542.777.928.973 | 172.733.874.117 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5.2 | 730.403.358.880 | 282.383.769.037 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | | 1.620.000.000.000 | 2.390.045.124.005 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 1.069.824.837.952 | 139.794.893.052 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 7 | (11.873.680.624) | (11.018.627.657) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 8 | 5.947.057.598.130 | 4.818.134.195.352 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 5.949.699.106.253 | 4.818.134.195.352 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (2.641.508.123) | - |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 757.098.707.808 | 410.192.336.685 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 9 | 532.201.917.217 | 318.087.088.795 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 12.385.135.451 | - |
| 155 | 3. Tài sản ngắn hạn khác | 10 | 212.511.655.140 | 92.105.247.890 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 15.823.630.124.062 | 1.968.826.133.010 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | 13.520.676.130 | - |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | | 13.520.676.130 | - |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 1.392.420.068.735 | 930.550.425.371 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 1.390.706.751.012 | 928.690.653.804 |
| 222 | Nguyên giá | | 1.649.466.120.701 | 1.078.629.188.436 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (258.759.369.689) | (149.938.534.632) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | 1.713.317.723 | 1.859.771.567 |
| 228 | Nguyên giá | | 3.672.642.267 | 3.066.522.500 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.959.324.544) | (1.206.750.933) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 2.314.848.854.563 | 373.063.990.238 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 13 | 2.314.848.854.563 | 373.063.990.238 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 14 | 11.315.812.074.743 | 144.891.093.397 |
| 252 | 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 14.1 | 11.119.801.810.546 | - |
| 253 | 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 14.2 | 196.010.264.197 | 144.891.093.397 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 787.028.449.891 | 520.320.624.004 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 9 | 743.749.724.376 | 495.858.153.624 |
| 262 | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 27.3 | 6.009.660.985 | 4.462.470.380 |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | | - | 20.000.000.000 |
| 269 | 4. Lợi thế thương mại | | 37.269.064.530 | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 26.761.323.717.111 | 10.341.488.570.729 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 20.396.449.999.799 | 7.256.411.698.762 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 20.340.019.366.056 | 7.201.030.430.767 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15.1 | 664.804.518.587 | 355.795.734.215 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 15.2 | 8.342.828.519.549 | 4.660.564.894.561 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 16 | 185.802.182.401 | 112.895.024.717 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 2.020.982.757 | 3.820.524.980 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 17.1 | 2.139.080.622.788 | 1.289.607.770.614 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 18 | 1.929.982.742.405 | 778.346.481.680 |
| 320 | 7. Vay ngắn hạn | 19 | 7.075.499.797.569 | - |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 56.430.633.743 | 55.381.267.995 |
| 333 | 1. Chi phí phải trả dài hạn | 17.2 | 21.486.647.978 | 21.491.447.978 |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | 18 | 5.808.037.529 | 7.149.319.503 |
| 342 | 3. Dự phòng phải trả dài hạn | 17.3 | 29.135.948.236 | 26.740.500.514 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 6.364.873.717.312 | 3.085.076.871.967 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 20 | 6.364.873.717.312 | 3.085.076.871.967 |
| 411 | 1. Vốn cổ phần đã phát hành | | 1.199.958.000.000 | 1.199.958.000.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 1.199.958.000.000 | 1.199.958.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 1.843.750.000 | 1.843.750.000 |
| 420 | 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 1.597.734.546.230 | - |
| 421 | 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 2.973.750.443.480 | 1.883.275.121.967 |
| 421a | - Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm trước | | 1.883.275.121.967 | 1.079.773.462.578 |
| 421b | - Lợi nhuận sau thuế kỳ này | | 1.090.475.321.513 | 803.501.659.389 |
| 429 | 5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 591.586.977.602 | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 26.761.323.717.111 | 10.341.488.570.729 |

Đoàn Thị Hà
Người lập

Nguyễn Hữu Thanh
Kế toán trưởng



Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | | Quý III năm 2017 | Quý III năm 2016 | Lũy kế 9 tháng năm 2017 | Lũy kế 9 tháng năm 2016 |
|-------|--|------|---------------------|------------------|-------------------------|-------------------------|
| 1 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 21.1 | 1.961.592.610.598 | 71.249.081.306 | 4.214.660.829.131 | 214.681.387.089 |
| 2 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 21.1 | 1.961.592.610.598 | 71.249.081.306 | 4.214.660.829.131 | 214.681.387.089 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ | 22 | (1.171.745.342.215) | (54.135.552.354) | (2.435.186.230.821) | (150.855.096.973) |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 789.847.268.383 | 17.113.528.952 | 1.779.474.598.310 | 63.826.290.116 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21.2 | 28.879.923.457 | 34.811.512.740 | 108.474.810.467 | 72.390.878.235 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 23 | (101.664.247.582) | (14.575.595.740) | (145.551.897.117) | (49.345.930.213) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | (101.608.196.396) | (14.556.615.800) | (144.472.837.270) | (48.547.983.171) |
| 24 | 8. Phần lãi trong công ty liên kết | | 256.282.280.792 | - | 111.222.810.151 | - |
| 25 | 9. Chi phí bán hàng | 24 | (174.756.586.947) | (5.069.571.092) | (386.575.326.607) | (21.622.126.354) |
| 26 | 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | (99.924.434.748) | (12.890.695.303) | (162.229.949.117) | (31.020.178.694) |
| 30 | 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 698.664.203.355 | 19.389.179.557 | 1.304.815.046.087 | 34.228.933.090 |
| 31 | 12. Thu nhập khác | 26 | 17.774.306.205 | 3.109.387.741 | 37.966.541.211 | 6.533.929.720 |
| 32 | 13. Chi phí khác | 26 | (14.527.396.161) | (11.244.374.186) | (16.041.119.480) | (13.715.495.686) |
| 40 | 14. Lợi nhuận khác | 26 | 3.246.910.044 | (8.134.986.445) | 21.925.421.731 | (7.181.565.966) |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

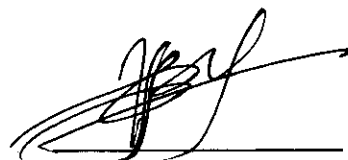
Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Quý III năm 2017 | Quý III năm 2016 | Lũy kế 9 tháng năm 2017 | Lũy kế 9 tháng năm 2016 |
|-------|--|-------------|-------------------|------------------|-------------------------|-------------------------|
| 50 | 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 701.911.113.399 | 11.254.193.112 | 1.326.740.467.818 | 27.047.367.124 |
| 51 | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 27.1 | (120.682.351.241) | (508.114.926) | (294.216.346.561) | (508.114.926) |
| 52 | 17. (Chi phí)/ thu nhập thuế TNDN hoãn lại | 27.3 | (511.120.346) | - | 1.547.190.606 | 2.025.141.996 |
| 60 | 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 580.717.641.811 | 10.746.078.186 | 1.034.071.311.862 | 28.564.394.194 |
| 61 | 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 609.543.978.616 | 10.746.078.186 | 1.090.475.321.513 | 28.564.394.194 |
| 62 | 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | (28.826.336.805) | - | (56.404.009.651) | - |
| 70 | 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | 5.080 | 90 | 9.088 | 238 |
| 71 | 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | | 5.080 | 90 | 9.088 | 238 |



Đoàn Thị Hà
Người lập

Ngày 30 tháng 10 năm 2017



Nguyễn Hữu Thanh
Kế toán trưởng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Lũy kế 9 tháng năm 2017 | Lũy kế 9 tháng năm 2016 |
|-------|---|-------------|-----------------------------|--------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | | 1.326.740.467.818 | 27.047.367.124 |
| | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| 2 | Khấu hao tài sản cố định | | 75.184.840.541 | 44.061.169.223 |
| 3 | Các khoản dự phòng | | (17.835.013.183) | - |
| 5 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (213.875.365.932) | (97.688.952.297) |
| 6 | Chi phí lãi vay | | 144.472.837.270 | 48.547.983.171 |
| 8 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 1.314.687.766.513 | 21.967.567.221 |
| 9 | Tăng/(giảm) các khoản phải thu | | 163.851.596.290 | (552.015.391.071) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | | (923.753.072.212) | (3.360.773.507.530) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải | | 4.896.585.088.111 | 3.358.913.068.495 |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | | (146.655.470.349) | (164.828.783.413) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (6.364.581.765) | (52.462.940.547) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 27.2 | (227.623.800.624) | (9.105.089.823) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh | | 5.070.727.525.964 | (758.305.076.668) |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (692.218.146.582) | (18.185.303.719) |
| 23 | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (2.640.000.000.000) | (1.680.590.914.160) |
| 24 | Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác | | 3.410.045.124.005 | 4.171.431.560.030 |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (11.422.299.164.182) | (23.490.000.000) |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 3.408.829.200 | 500.247.400.000 |
| 27 | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 153.703.946.391 | 110.493.314.467 |
| | Tiền nhận được từ sáp nhập với công ty con | | - | 101.736.650.809 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư | | (11.187.359.411.168) | 3.161.642.707.427 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Lũy kế 9 tháng năm 2017 | Lũy kế 9 tháng năm 2016 |
|-------|--|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | | 8.200.765.848.604 | 369.518.038.507 |
| 34 | Tiền trả nợ gốc vay và nợ trái phiếu | | (1.972.125.994.598) | (1.542.818.038.507) |
| 36 | Cổ tức trả cho cổ đông | | - | (939.979.662.216) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính | | 6.228.639.854.006 | (2.113.279.662.216) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | 112.007.968.802 | 290.057.968.543 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | | 170.396.873.128 | 14.117.939.722 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 4 | 282.404.841.930 | 304.175.908.265 |

Đoàn Thị Hà
Người lập

Nguyễn Hữu Thanh
Kế toán trưởng



Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103040736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 9 năm 2009. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 16 được cấp ngày 1 tháng 4 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, xây nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, cung cấp hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học, cung cấp hoạt động nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, dịch vụ lưu trú ngắn ngày, dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của hoạt động bất động sản của Công ty thông thường là từ 12 đến 36 tháng, và của các hoạt động khác của Công ty thông thường là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP là công ty mẹ của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty có 6 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

| <i>STT</i> | <i>Tên công ty</i> | <i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i> | <i>Trụ sở chính</i> | <i>Hoạt động chính</i> |
|------------|---|-----------------------------|--------------------------|---|---|
| 1 | Công ty TNHH Phát triển Công viên Trung tâm | 100,0 | 100,0 | P900, Tầng 9, Tòa nhà IPH, Số 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Phát triển dự án bất động sản |
| 2 | Công ty TNHH Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco | 70,0 | 70,0 | Số 7, đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. | Canh tác và kinh doanh các sản phẩm rau, cây trồng nông nghiệp. |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất và Phát triển Nông nghiệp Vineco - Tam Đảo (*) | 62,31 | 89,02 | Thôn cơ quan, TT Gia Long Khánh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam. | Canh tác và kinh doanh các sản phẩm rau, cây trồng nông nghiệp. |
| 4 | Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai - Vineco (*) | 54,25 | 77,50 | Km13, Quốc lộ 51, ấp Long Khánh 3, Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | Canh tác và kinh doanh các sản phẩm rau, cây trồng nông nghiệp. |
| 5 | Công ty TNHH Nông nghiệp Vineco Sagari (*) | 63,00 | 90,00 | 38 Phạm Văn Cội, xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. | Canh tác và kinh doanh các sản phẩm rau, cây trồng nông nghiệp. |
| 6 | Công ty Cổ phần Du lịch và Thủy sản Vạn Phát (*) | 44,80 | 64,00 | Thôn Đưng K'Si, xã Dạ Chais, Huyện Lạc Dương, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan |

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

(*) Công ty nắm giữ các công ty con này gián tiếp qua một công ty con của Công ty là Công ty TNHH Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VinEco.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất giữa niên độ toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất giữa niên độ cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

| | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm tổng giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý III năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|-----------------------|------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 47 năm |
| Máy móc và thiết bị | 9 - 10 năm |
| Thiết bị quản lý | 3 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 năm |
| Tài sản khác | 4 năm |

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất đã được thanh toán thông qua việc bù trừ với chi phí giải phóng mặt bằng cho phần diện tích đất thuê của Dự án Vinhomes Riverside. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thì khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại.

3.10 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh giữa các doanh nghiệp hoặc các hoạt động kinh doanh cùng dưới một sự kiểm soát chung

Giao dịch hợp nhất kinh doanh được thực hiện giữa các doanh nghiệp hoặc các hoạt động kinh doanh cùng dưới một sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh từ thời điểm hợp nhất;
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất và tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản hợp nhất biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng chi phí bảo hành cho căn hộ và biệt thự

Công ty ước tính chi phí dự phòng bảo hành dựa trên doanh thu và các thông tin hiện có về việc sửa chữa của các căn hộ đã bán trong quá khứ.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 200 để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua, thường trùng với thời điểm bàn giao bất động sản.

Doanh thu từ hoạt động hợp tác đầu tư

Thu nhập từ hoạt động hợp tác đầu tư được xác định là phần doanh thu được chia sẻ và xác định một cách chắc chắn theo hợp đồng hợp tác đầu tư.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

► Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

► Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

► Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

► đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

► Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 596.378.153 | 1.102.897.352 |
| Tiền gửi ngân hàng | 264.508.463.777 | 151.993.975.776 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 17.300.000.000 | 17.300.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 282.404.841.930 | 170.396.873.128 |

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng với lãi suất 4,3%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Phải thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản | 293.870.672.602 | 74.079.585.737 |
| Phải thu từ hoạt động nông nghiệp | 164.765.622.996 | - |
| Phải thu từ hoạt động cho thuê bất động sản | 12.356.914.110 | 7.623.791.408 |
| Phải thu từ hoạt động kinh doanh nhà hàng | 8.503.746.607 | 9.077.782.213 |
| Phải thu từ hoạt động tư vấn bán hàng và hoạt động khác | 63.280.972.658 | 81.952.714.759 |
| TỔNG CỘNG | 542.777.928.973 | 172.733.874.117 |
| Trong đó: | | |
| Phải thu khách hàng | 377.217.162.772 | 99.873.795.118 |
| Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28) | 165.560.766.201 | 72.860.078.999 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (4.809.918.859) | (4.809.918.859) |

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 730.403.358.880 | 282.383.769.037 |
| TỔNG CỘNG | 730.403.358.880 | 282.383.769.037 |
| Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó thu hồi | (7.063.761.765) | (6.208.708.798) |

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Phải thu lãi vay và lãi tiền gửi | 39.276.075.870 | 85.791.310.826 |
| Phải thu từ tài khoản quản lý dòng tiền tập trung | 59.390.483.291 | 22.572.457.107 |
| Phải thu từ nhượng bán các khoản đầu tư | 794.500.000.000 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 176.658.278.791 | 31.431.125.119 |
| TỔNG CỘNG | 1.069.824.837.952 | 139.794.893.052 |
| Trong đó: | | |
| Phải thu khác | 926.909.740.807 | 30.937.231.084 |
| Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28) | 142.915.097.145 | 108.857.661.968 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

7. NỢ XẤU VÀ NỢ QUÁ HẠN

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | |
|--|--------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán: | | | | |
| - Phải thu khách hàng doanh nghiệp | 4.809.918.859 | - | 4.809.918.859 | - |
| - Các khoản trả trước cho nhà thầu khác | 7.063.761.765 | - | 6.208.708.798 | - |
| | 11.873.680.624 | - | 11.018.627.657 | - |

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | |
|--|--------------------------|------------------------|---------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Bất động sản để bán đang xây dựng thuộc dự án Vinhomes Gardenia | 4.110.065.320.000 | - | 4.110.640.411.124 | - |
| Bất động sản để bán đang xây dựng thuộc dự án Vinhomes Skylake Phạm Hùng | 987.387.136.938 | - | 181.542.301.414 | - |
| Chi phí thực hiện dự án BT (i) | 669.200.852.280 | - | 433.640.193.071 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 62.154.549.535 | (2.641.508.123) | 5.509.045.621 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang về | 59.502.802.814 | - | - | - |
| Hàng hóa | 4.297.062.639 | - | - | - |
| Công cụ, dụng cụ | 7.636.088.440 | - | 2.068.123.961 | - |
| Khác | 49.455.293.607 | - | 84.734.120.161 | - |
| TỔNG CỘNG | 5.949.699.106.253 | (2.641.508.123) | 4.818.134.195.352 | - |

(i) Đây là giá trị đã thực hiện dự án xây dựng khu công viên và hồ điều hòa khu phía Bắc và mở rộng phía Nam Nghĩa trang Mai Dịch, thuộc địa phận quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội và chi phí thực hiện dự án xây dựng công viên và hồ điều hòa tại lô đất ký hiệu CV1, khu đô thị mới Cầu Giấy, nằm giữa hai quận Cầu Giấy và Nam Từ Liêm theo hình thức hợp đồng xây dựng – chuyển giao (BT).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
|---|-------------------------------------|---|
| Ngắn hạn | | |
| Chi phí bán hàng liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao | 405.697.965.492 | 265.371.459.933 |
| Thuế TNDN tạm nộp cho các khoản thanh toán trước tiền mua căn hộ của khách hàng | 84.479.482.697 | 46.718.823.151 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 14.408.650.746 | 1.140.846.098 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 27.615.818.282 | 4.855.959.613 |
| TỔNG CỘNG | <u>532.201.917.217</u> | <u>318.087.088.795</u> |
| Dài hạn: | | |
| Tiền thuê đất và lấy đất trả trước (*) | 677.331.917.031 | 463.242.494.265 |
| Công cụ, dụng cụ | 13.401.020.688 | 25.123.329.741 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 53.016.786.657 | 7.492.329.618 |
| TỔNG CỘNG | <u>743.749.724.376</u> | <u>495.858.153.624</u> |

(*) Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất đã được thanh toán thông qua việc bù trừ với chi phí giải phóng mặt bằng cho phần diện tích đất thuê thuộc Dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside được Nhà nước bồi hoàn và phần diện tích đất thuê của các công ty con.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN KHÁC

| | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
|---|-------------------------------------|---|
| Ngắn hạn: | | |
| Đặt cọc cho mục đích nhận chuyển nhượng cổ phần (i) | 120.406.407.250 | - |
| Tài sản ngắn hạn khác (ii) | 92.105.247.890 | 92.105.247.890 |
| TỔNG CỘNG | <u>212.511.655.140</u> | <u>92.105.247.890</u> |

(i) Đây là khoản đặt cọc nhằm mục đích mua lại phần vốn góp cam kết của các công ty con từ đối tác doanh nghiệp và cá nhân.

(ii) Đây là giá trị hệ thống thiết bị điện sẽ được Công ty chuyển giao lại cho Công ty Điện lực Long Biên.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị văn phòng | Tài sản khác | Tổng cộng |
|-------------------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|--------------------------|
| Nguyên giá: | | | | | | |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 815.527.511.502 | 183.129.380.743 | 8.291.176.290 | 71.681.119.901 | - | 1.078.629.188.436 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 240.396.286.937 | 15.618.772.511 | - | - | - | 256.015.059.448 |
| - Mua mới | - | 8.382.213.400 | 409.486.663 | 480.310.005 | - | 9.272.010.068 |
| - Tăng do mua công ty con trong kỳ | 218.569.321.386 | 84.036.192.352 | 3.447.768.662 | 401.126.958 | 5.027.769.613 | 311.482.178.971 |
| - Thanh lý trong kỳ | (2.432.406.843) | (2.699.909.379) | (300.000.000) | - | (500.000.000) | (5.932.316.222) |
| Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017 | <u>1.272.060.712.982</u> | <u>288.466.649.627</u> | <u>11.848.431.615</u> | <u>72.562.556.864</u> | <u>4.527.769.613</u> | <u>1.649.466.120.701</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | | | | |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 63.306.714.124 | 65.100.064.774 | 4.922.775.854 | 16.608.979.880 | - | 149.938.534.632 |
| - Khấu hao trong kỳ | 35.559.230.659 | 30.045.038.007 | 1.178.659.882 | 5.552.836.980 | 302.161.608 | 72.637.927.136 |
| - Tăng do mua công ty con trong kỳ | 29.134.797.992 | 6.597.175.965 | 913.041.086 | 94.934.709 | 827.694.609 | 37.567.644.361 |
| - Thanh lý trong kỳ | (218.034.024) | (1.150.035.748) | - | - | (16.666.668) | (1.384.736.440) |
| Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017 | <u>127.782.708.751</u> | <u>100.592.242.998</u> | <u>7.014.476.822</u> | <u>22.256.751.569</u> | <u>1.113.189.549</u> | <u>258.759.369.689</u> |
| Giá trị còn lại: | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | <u>752.220.797.378</u> | <u>118.029.315.969</u> | <u>3.368.400.436</u> | <u>55.072.140.021</u> | - | <u>928.690.653.804</u> |
| Số dư cuối kỳ | <u>1.144.278.004.231</u> | <u>187.874.406.629</u> | <u>4.833.954.793</u> | <u>50.305.805.295</u> | <u>3.414.580.064</u> | <u>1.390.706.751.012</u> |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

| | <i>Phần mềm máy tính</i> | <i>Tài sản cố định vô hình khác</i> | <i>Đơn vị tính: VND Tổng cộng</i> |
|---------------------------------------|------------------------------|---|---------------------------------------|
| Nguyên giá: | | | |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 450.722.500 | 2.615.800.000 | 3.066.522.500 |
| - Mua trong kỳ | 103.260.000 | - | 103.260.000 |
| - Tăng do mua công ty con trong kỳ | <u>502.859.767</u> | <u>-</u> | <u>502.859.767</u> |
| Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017 | <u>1.056.842.267</u> | <u>2.615.800.000</u> | <u>3.672.642.267</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế: | | | |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 163.224.521 | 1.043.526.412 | 1.206.750.933 |
| - Hao mòn trong kỳ | 223.520.628 | 403.190.224 | 626.710.852 |
| - Tăng do mua công ty con trong kỳ | <u>125.862.759</u> | <u>-</u> | <u>125.862.759</u> |
| Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017 | <u>512.607.908</u> | <u>1.446.716.636</u> | <u>1.959.324.544</u> |
| Giá trị còn lại: | | | |
| Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 287.497.979 | 1.572.273.588 | 1.859.771.567 |
| Số dư ngày 30 tháng 09 năm 2017 | <u>544.234.359</u> | <u>1.169.083.364</u> | <u>1.713.317.723</u> |

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
|--|-------------------------------------|---|
| Chi phí xây dựng cơ bản phục vụ nông nghiệp | 1.718.821.834.954 | - |
| Chi phí xây dựng cấu phần trung tâm thương mại và các hạng mục khác thuộc dự án Vinhomes Gardenia | 197.703.223.854 | 311.989.473.080 |
| Chi phí xây dựng cấu phần trường học, trung tâm thương mại và các hạng mục khác thuộc dự án Vinhomes Skylake | 330.251.946.532 | - |
| Dự án phòng khám đa khoa trên khu đất H1-YT | 60.562.932.206 | 60.562.932.206 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác | 7.508.917.017 | 511.584.952 |
| TỔNG CỘNG | <u>2.314.848.854.563</u> | <u>373.063.990.238</u> |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | |
|--------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------|---------------------------|-------------------------|----------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý Dự phòng | | Giá gốc | Giá trị hợp lý Dự phòng | |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 11.119.801.810.546 | 11.119.801.810.546 | - | - | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 196.010.264.197 | 196.010.264.197 | - | 144.891.093.397 | 144.891.093.397 | - |
| TỔNG CỘNG | 11.315.812.074.743 | 11.315.812.074.743 | - | 144.891.093.397 | 144.891.093.397 | - |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty liên kết này tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 như sau:

| STT | Tên công ty | Tỷ lệ biểu quyết (%) | Tỷ lệ lợi ích (%) | Trụ sở chính | Hoạt động chính |
|-----|---|----------------------|-------------------|---|--|
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển địa ốc Thành Phố Hoàng Gia (*) | 40,00 | 40,00 | Số 72A Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. | <ul style="list-style-type: none"> ▶ Kinh doanh bất động sản ▶ Đầu tư, phát triển các trung tâm thương mại để cho thuê và các bất động sản để bán. |
| 2 | Công ty Cổ phần Vincom Retail | 32,25 | 32,25 | Tầng 4, T26, Times City, 458 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội | <ul style="list-style-type: none"> ▶ Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp |
| 3 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce | 23,40 | 23,40 | Tầng 3, Tòa nhà Tower2, KĐT Times City, 458 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội | |

(*) Công ty nắm giữ công ty liên kết này gián tiếp qua một Công ty con của công ty là công ty TNHH Phát triển Công Viên Trung Tâm.

| Tên đơn vị | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | |
|---|--------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (VND) | Số lượng cổ phiếu | Giá trị (VND) |
| Công ty Cổ phần Vincom Retail | 613.086.483 | 8.216.401.607.531 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia | 97.720.000 | 1.463.275.400.629 | - | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce | 166.555.000 | 1.440.124.802.386 | - | - |
| TỔNG CỘNG | | 11.119.801.810.546 | | - |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|---|-----------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sinh Thái | 70.257.600.000 | 70.257.600.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Prime Land | 54.528.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Vinpearl | 44.155.614.197 | 44.155.614.197 |
| Công ty CP Phát triển Thể thao và Giải trí Mỹ Trí | 26.959.050.000 | 26.959.050.000 |
| Công ty CP Năng lượng Hải Linh | - | 3.408.829.200 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Đô thị Ngôi sao Phương Nam | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec | 10.000.000 | 10.000.000 |
| TỔNG CỘNG | 196.010.264.197 | 144.891.093.397 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|--|-----------------------------|--|
| Phải trả ngắn hạn cho người bán | 532.573.149.320 | 206.797.603.302 |
| - Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh | 9.722.805.906 | 21.222.347.879 |
| - Đối tác doanh nghiệp | 522.850.343.414 | 185.575.255.423 |
| Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28) | 132.231.369.267 | 148.998.130.913 |
| TỔNG CỘNG | 664.804.518.587 | 355.795.734.215 |

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đây chủ yếu là số dư các khoản thanh toán theo tiến độ từ các khách hàng ký hợp đồng mua bất động sản tại dự án Vinhomes Gardenia và dự án Vinhomes Skylake.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|---|--------------------------------------|-----------------------------|---------------------------|-------------------------------------|
| | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> | <i>Số phải nộp trong kỳ</i> | <i>Số đã nộp trong kỳ</i> | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> |
| Thuế giá trị gia tăng | 46.235.732.249 | 374.490.140.114 | 394.246.268.186 | 26.479.604.177 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27) | 51.980.395.287 | 332.831.274.128 | 227.623.800.624 | 157.187.868.791 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 240.000.091 | 11.984.780.165 | 10.977.648.108 | 1.247.132.148 |
| Các khoản phải nộp nhà nước khác | 14.438.897.090 | 8.378.596.880 | 21.929.916.685 | 887.577.285 |
| TỔNG CỘNG | 112.895.024.717 | 727.684.791.287 | 654.777.633.603 | 185.802.182.401 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ VÀ DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
|---|-------------------------------------|---|
| Tiền sử dụng đất trích trước | 1.447.753.939.076 | 815.156.870.300 |
| Trích trước chi phí phát triển bất động sản đã chuyển nhượng | 321.330.490.229 | 300.745.297.417 |
| Trích trước chi phí lãi vay | 155.126.195.040 | - |
| Trích trước chi phí xây dựng bất động sản | 67.078.927.876 | 95.198.735.141 |
| Trích trước chi phí hoa hồng môi giới bán bất động sản | 20.738.070.794 | 56.545.863.515 |
| Trích trước cho chương trình tri ân | 11.427.230.664 | 13.579.971.856 |
| Các khoản chi phí phải trả khác | 115.625.769.109 | 8.381.032.385 |
| TỔNG CỘNG | <u>2.139.080.622.788</u> | <u>1.289.607.770.614</u> |
| Trong đó: | | |
| <i>Chi phí phải trả cho các bên khác</i> | <i>1.983.954.427.748</i> | <i>1.289.607.770.614</i> |
| <i>Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i> | <i>155.126.195.040</i> | <i>-</i> |

17.2 Chi phí phải trả dài hạn

Chi phí phải trả dài hạn là tiền thuê đất được trích trước cho các khu đất dịch vụ của Dự án khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside.

17.3 Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản dự phòng bảo trì, bảo dưỡng Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside và dự phòng duy tu, duy trì dự án Vinhomes Gardenia theo cam kết của công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

| | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
|---|-------------------------------------|---|
| Ngắn hạn | | |
| Tiền thu từ các hợp đồng của dự án Vinhomes Gadenia | 510.958.632.260 | 655.650.356.909 |
| Tiền thu từ các hợp đồng của dự án Vinhomes Skylake | 785.916.642.513 | 104.953.028.337 |
| Phải trả theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần | 359.398.000.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | <u>273.709.467.632</u> | <u>17.743.096.434</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>1.929.982.742.405</u> | <u>778.346.481.680</u> |
| Dài hạn | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược | <u>5.808.037.529</u> | <u>7.149.319.503</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>1.935.790.779.934</u> | <u>785.495.801.183</u> |
| Trong đó: | | |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác</i> | <i>1.576.392.779.934</i> | <i>780.384.194.152</i> |
| <i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i> | <i>359.398.000.000</i> | <i>5.111.607.031</i> |

19. VAY

Vay ngắn hạn

| | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
|--|-------------------------------------|---|
| Vay ngắn hạn khác | 118.499.797.569 | - |
| Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 28) | <u>6.957.000.000.000</u> | <u>-</u> |
| TỔNG CỘNG | <u>7.075.499.797.569</u> | <u>-</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần đã góp | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | Đơn vị tính: VND Tổng cộng |
|--|--------------------------|----------------------|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
| Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 | | | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 1.199.958.000.000 | 1.843.750.000 | 1.375.696.411.373 | - | - | 2.577.498.161.373 |
| - Lãi trong kỳ | - | - | 28.564.394.194 | - | - | 28.564.394.194 |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 | <u>1.199.958.000.000</u> | <u>1.843.750.000</u> | <u>1.404.260.805.567</u> | - | - | <u>2.606.062.555.567</u> |
| Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 | | | | | | |
| Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 1.199.958.000.000 | 1.843.750.000 | 1.883.275.121.967 | - | - | 3.085.076.871.967 |
| - Lãi/(lỗ) trong kỳ | - | - | 1.090.475.321.513 | - | (56.404.009.651) | 1.034.071.311.862 |
| - Mua công ty con mới trong kỳ | - | - | - | (359.137.114.391) | 647.990.987.253 | 288.853.872.862 |
| - Mua công ty liên kết mới trong kỳ | - | - | - | 1.956.871.660.621 | - | 1.956.871.660.621 |
| Vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 | <u>1.199.958.000.000</u> | <u>1.843.750.000</u> | <u>2.973.750.443.480</u> | <u>1.597.734.546.230</u> | <u>591.586.977.602</u> | <u>6.364.873.717.312</u> |

20.2 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|--|--------------------------|---------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 119.995.800 | 119.995.800 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng và đang được lưu hành | 119.995.800 | 119.995.800 |
| Cổ phiếu phổ thông | 119.995.800 | 119.995.800 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Đơn vị tính: VND | |
|---|--------------------------|-----------------------|
| | Quý III năm 2017 | Quý III năm 2016 |
| Tổng doanh thu | 1.961.592.610.598 | 71.249.081.306 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i> | <i>1.672.410.713.432</i> | <i>-</i> |
| <i>Doanh thu từ bán hàng nông nghiệp</i> | <i>220.606.631.268</i> | <i>-</i> |
| <i>Doanh thu dịch vụ nhà hàng</i> | <i>26.491.460.056</i> | <i>32.897.499.666</i> |
| <i>Doanh thu từ dịch vụ tư vấn, hỗ trợ bán hàng và dịch vụ khác</i> | <i>42.083.805.842</i> | <i>38.351.581.640</i> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Doanh thu thuần | 1.961.592.610.598 | 71.249.081.306 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i> | <i>1.672.410.713.432</i> | <i>-</i> |
| <i>Doanh thu từ bán hàng nông nghiệp</i> | <i>220.606.631.268</i> | <i>-</i> |
| <i>Doanh thu dịch vụ nhà hàng</i> | <i>26.491.460.056</i> | <i>32.897.499.666</i> |
| <i>Doanh thu từ dịch vụ tư vấn, hỗ trợ bán hàng và dịch vụ khác</i> | <i>42.083.805.842</i> | <i>38.351.581.640</i> |

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Đơn vị tính: VND | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Quý III năm 2017 | Quý III năm 2016 |
| Lãi tiền gửi và cho vay | 28.735.705.920 | 11.444.187.740 |
| Lãi từ chuyển nhượng cổ phần | 144.217.537 | 23.367.325.000 |
| TỔNG CỘNG | 28.879.923.457 | 34.811.512.740 |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Đơn vị tính: VND | |
|------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| | Quý III năm 2017 | Quý III năm 2016 |
| Giá vốn bất động sản chuyển nhượng | 906.041.010.596 | - |
| Giá vốn bán hàng nông nghiệp | 203.373.074.464 | - |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ nhà hàng | 30.445.710.530 | 40.326.352.791 |
| Giá vốn cung cấp các dịch vụ khác | 31.885.546.625 | 13.809.199.563 |
| TỔNG CỘNG | 1.171.745.342.215 | 54.135.552.354 |

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Đơn vị tính: VND | |
|------------------------|------------------------|-----------------------|
| | Quý III năm 2017 | Quý III năm 2016 |
| Chi phí lãi vay | 101.608.196.396 | 14.556.615.800 |
| Chi phí tài chính khác | 56.051.186 | 18.979.940 |
| TỔNG CỘNG | 101.664.247.582 | 14.575.595.740 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| | <i>Quý III năm 2017</i> | <i>Quý III năm 2016</i> |
| Chi phí nhân công | 6.909.537.214 | 1.051.862.175 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 163.500.954.578 | 3.747.064.206 |
| Chi phí bán hàng khác | 4.346.095.155 | 270.644.711 |
| TỔNG CỘNG | <u>174.756.586.947</u> | <u>5.069.571.092</u> |

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <i>Quý III năm 2017</i> | <i>Quý III năm 2016</i> |
| Chi phí nhân công | 15.777.304.292 | 4.086.399.685 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 29.416.829.035 | 8.032.505.704 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 54.730.301.422 | 771.789.914 |
| TỔNG CỘNG | <u>99.924.434.748</u> | <u>12.890.695.303</u> |

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | <i>Quý III năm 2017</i> | <i>Quý III năm 2016</i> |
| Thu nhập khác | 17.774.306.205 | 3.109.387.741 |
| Thu nhập từ phạt hợp đồng | 1.650.696.393 | 2.202.392.117 |
| Thu nhập khác | 16.123.609.812 | 906.995.624 |
| Chi phí khác | 14.527.396.161 | 11.244.374.186 |
| Chi phí khác | 14.527.396.161 | 11.244.374.186 |
| LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC THUẦN | <u>3.246.910.044</u> | <u>(8.134.986.445)</u> |

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Chi phí thuế TNDN

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|-----------------------------|--|--|
| | <i>Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016</i> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 294.216.346.561 | 508.114.926 |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | (1.547.190.606) | (2.025.141.996) |
| TỔNG CỘNG | <u>292.669.155.955</u> | <u>(1.517.027.070)</u> |

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

| | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Đơn vị tính: VND Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 |
|---|--|--|
| Lợi nhuận thuần trước thuế | 1.326.740.467.818 | 27.047.367.124 |
| Các điều chỉnh tăng/ (giảm) lợi nhuận theo kế toán | | |
| Cổ tức thu được | (151.875.490.226) | - |
| Phần lỗ trong công ty liên kết | 40.410.013.408 | - |
| Chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh tương ứng với các căn hộ đã bàn giao | (25.420.542.014) | - |
| Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện tính vào thu nhập chịu thuế | 23.756.076.809 | - |
| Chênh lệch giá vốn căn hộ bàn giao trong năm giữa báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng | 18.519.221.488 | - |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 1.920.202.553 | - |
| Chi phí chưa được khấu trừ kỳ này | - | 10.125.709.979 |
| Khác | 43.282.876.409 | 1.866.712.808 |
| Lợi nhuận điều chỉnh trước chuyển lỗ | 1.277.332.826.246 | 39.039.789.911 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Lợi nhuận từ chuyển nhượng bất động sản</i> | <i>1.410.442.003.326</i> | <i>-</i> |
| <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác</i> | <i>69.371.917.563</i> | <i>39.039.789.911</i> |
| <i>Lỗ năm trước chuyển sang (hoạt động kinh doanh khác)</i> | <i>(1.635.188.518)</i> | <i>(39.039.789.911)</i> |
| Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ | 1.478.178.732.371 | - |
| Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ | 295.904.059.187 | - |
| Điều chỉnh thuế TNDN năm trước | (1.687.712.626) | 508.114.926 |
| Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ sau điều chỉnh | 294.216.346.561 | 508.114.926 |
| Thuế TNDN phải trả đầu kỳ | 51.980.395.287 | 1.873.112.222 |
| Thuế TNDN tạm tính cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng | 63.854.199.057 | 33.257.940.746 |
| Thuế TNDN tạm nộp trong năm trước cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng được bù trừ trong kỳ | (26.073.297.724) | - |
| Thuế TNDN phải trả phát sinh từ giao dịch mua công ty con mới | 834.026.233 | - |
| Thuế TNDN đã nộp trong kỳ | (227.623.800.624) | (9.105.089.823) |
| Thuế TNDN do sáp nhập công ty Hồng Ngân | - | 3.857.007.727 |
| Thuế TNDN phải trả cuối kỳ | 157.187.868.791 | 30.391.085.798 |
| (Thuyết minh số 16) | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

| | Bảng cân đối kế toán riêng | | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng | |
|---|----------------------------|---------------------------|---|---|
| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | | | |
| Chi phí thanh lý theo hợp đồng hợp tác đầu tư | 1.258.445.623 | 4.462.470.380 | (3.204.024.756) | - |
| Chi phí quảng cáo tạm thời chưa được khấu trừ | 4.751.215.362 | - | 4.751.215.362 | 2.025.141.996 |
| | 6.009.660.985 | 4.462.470.380 | | |
| Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại | | | 1.547.190.606 | 2.025.141.996 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Đơn vị tính: VNĐ</i> |
|--|-----------------------|---------------------------------------|-------------------------|
| | | | <i>Giá trị</i> |
| Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | Công ty mẹ | Thu hồi gốc cho vay | (1.755.000.000.000) |
| | | Cho vay | 85.000.000.000 |
| | | Phải trả phí quản lý, phí thương hiệu | (87.226.596.458) |
| | | Phải thu quản lý dòng tiền tập trung | 4.037.216.893.563 |
| | | Thu tiền quản lý dòng tiền tập trung | (4.000.398.867.379) |
| | | Vay | (2.169.000.000.000) |
| | | Trả gốc vay | 815.000.000.000 |
| | | Phải trả tiền mua khoản đầu tư | (8.889.393.830.000) |
| | | Trả tiền mua khoản đầu tư | 8.889.393.830.000 |
| | | Công ty Cổ phần Vinpearl | Công ty cùng tập đoàn |
| Trả gốc vay | 320.000.000.000 | | |
| Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vincom | Công ty cùng tập đoàn | Vay | (100.000.000.000) |
| | | Trả gốc vay | 100.000.000.000 |
| | | Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ | 59.573.311.473 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

| | | | <i>Đơn vị tính: VND</i> |
|--|-----------------------|--------------------------------|-------------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Giá trị</i> |
| Công ty TNHH kinh doanh Bất Động Sản Vinhomes 2 | Công ty cùng tập đoàn | Phải trả phí tư vấn bán hàng | (68.872.737.370) |
| | | Thanh toán phí tư vấn bán hàng | 123.629.031.801 |
| | | Vay | (100.000.000.000) |
| Công ty CP Dịch vụ thương mại tổng hợp Vincommerce | Công ty liên kết | Phải trả mua hàng hóa dịch vụ | (559.254.571.620) |
| | | Trả tiền mua hàng hóa dịch vụ | 570.613.020.389 |
| | | Phải thu tiền bán nông sản | 507.603.698.511 |
| | | Thu được tiền bán nông sản | (411.102.562.867) |
| | | Cho vay | 200.000.000.000 |
| Công ty CP đầu tư xây dựng Tân Liên Phát | Công ty cùng tập đoàn | Cho vay | 1.000.000.000.000 |
| | | Thu hồi gốc vay | (840.000.000.000) |
| | | Lãi vay đã thu | (87.216.388.890) |
| Công ty CP Thể thao và giải trí Mỹ Trì | Công ty cùng tập đoàn | Cho vay | 450.000.000.000 |
| | | Thu hồi gốc cho vay | (450.000.000.000) |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

| | | | <i>Đơn vị tính: VNĐ</i> |
|--|-----------------------|--------------------------------|-------------------------|
| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Giá trị</i> |
| Công ty CP Đô thị Du lịch Cần Giờ | Công ty cùng tập đoàn | Vay | (2.350.000.000.000) |
| | | Trả gốc vay | 750.000.000.000 |
| | | Phải trả lãi vay | (67.268.055.555) |
| Công ty CP ĐT Dịch vụ Thương Mại TP Hồ Chí Minh | Công ty cùng tập đoàn | Vay | (2.940.000.000.000) |
| Công ty Cổ Phần Phát triển Nhà Phúc Đồng | Công ty cùng tập đoàn | Vay | (299.000.000.000) |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển địa ốc Thành Phố Hoàng Gia | Công ty cùng tập đoàn | Đặt cọc khoản mua đầu tư | 1.200.000.000.000 |
| | | Phải trả tiền mua khoản đầu tư | (3.059.398.000.000) |
| | | Trả tiền mua khoản đầu tư | 1.500.000.000.000 |
| | | Vay | (180.000.000.000) |
| Công ty Cổ Phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội | Công ty cùng tập đoàn | Cho vay | 540.000.000.000 |
| | | Thu hồi gốc cho vay | (450.000.000.000) |
| Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Thời Đại | Công ty cùng tập đoàn | Cho vay | 900.000.000.000 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính 9 tháng kết thúc cùng ngày, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Đơn vị tính: VND</i> | |
|--|-----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| | | | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1) | | | | |
| Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce | Công ty liên kết | Bán nông sản | 112.703.837.261 | - |
| Công ty TNHH Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Vincom | Công ty cùng tập đoàn | Bán nông sản | 39.493.652.481 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco | Công ty con | Bán hàng | - | 64.569.387.969 |
| Công ty CP Phát triển Đô thị Nam Hà Nội | Công ty cùng tập đoàn | Bán hàng | 1.749.695.048 | 1.749.695.048 |
| Các công ty khác cùng tập đoàn | Công ty cùng tập đoàn | Bán hàng | 11.613.581.411 | 6.540.995.982 |
| TỔNG CỘNG | | | 165.560.766.201 | 72.860.078.999 |
| | | | | |
| Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6) | | | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
| Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | Công ty mẹ | Phải thu quản đồng tiền tập trung | 59.390.483.291 | 22.572.457.107 |
| | | Chi phí phải thu | 36.801.206.870 | - |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại | Công ty cùng tập đoàn | Lãi vay phải thu | 21.350.000.000 | |
| Công ty CP Đầu Tư Xây dựng Tân Liên Phát | Công ty cùng tập đoàn | Lãi vay phải thu | 13.020.000.000 | 75.334.722.223 |
| Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce | Công ty liên kết | Lãi vay phải thu | 4.853.333.332 | |
| Công ty CP Phát triển Đô thị Nam Hà Nội | Công ty cùng tập đoàn | Lãi vay phải thu | 64.166.667 | 9.190.278.269 |
| Các công ty khác cùng tập đoàn | Công ty cùng tập đoàn | Phải thu ngắn hạn khác | 7.435.906.985 | 1.760.204.369 |
| TỔNG CỘNG | | | 142.915.097.145 | 108.857.661.968 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
|---|-----------------------|----------------------------------|---------------------------------|---|
| Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 15.1) | | | | |
| Công ty TNHH Kinh doanh BĐS Vinhomes 2 | Công ty cùng tập đoàn | Phải trả chi phí tư vấn môi giới | - | 58.790.515.720 |
| Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce | Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 51.170.095.036 | 33.830.783.761 |
| Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | Công ty mẹ | Phí quản lý, phí thương hiệu | 62.835.620.170 | 24.077.607.330 |
| Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1 | Công ty cùng tập đoàn | Phải trả chi phí xây dựng | 5.944.395.536 | 25.012.726.388 |
| Các công ty khác cùng tập đoàn | Công ty cùng tập đoàn | Phải trả khác | 12.281.258.525 | 7.286.497.714 |
| TỔNG CỘNG | | | 132.231.369.267 | 148.998.130.913 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 17.1) | | | | |
| Công ty CP Đô thị Du lịch Cần Giờ | Công ty cùng tập đoàn | Lãi vay phải trả | 67.268.055.555 | - |
| Công ty CP ĐT Dịch vụ Thương mại TP Hồ Chí Minh | Công ty cùng tập đoàn | Lãi vay phải trả | 27.340.833.334 | - |
| Công ty Cổ phần Vinpearl | Công ty cùng tập đoàn | Lãi vay phải trả | 8.268.888.890 | - |
| Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | Công ty mẹ | Lãi vay phải trả | 42.856.138.893 | - |
| Các công ty khác cùng tập đoàn | Công ty cùng tập đoàn | Lãi vay phải trả | 9.392.278.368 | - |
| | | | 155.126.195.040 | - |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

| <i>Bên liên quan</i> | <i>Mối quan hệ</i> | <i>Nội dung nghiệp vụ</i> | <i>Ngày 30 tháng 9 năm 2017</i> | <i>Đơn vị tính: VND</i> <i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i> |
|--|-----------------------|------------------------------------|---------------------------------|---|
| Phải trả khác (Thuyết minh 18) | | | | |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển địa ốc Thành Phố Hoàng Gia | Công ty cùng tập đoàn | Phải trả phí chuyển nhượng cổ phần | 359.398.000.000 | - |
| Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | Công ty mẹ | Phải trả chi phí chi hộ | - | 4.796.809.226 |
| Các công ty khác cùng tập đoàn | Công ty cùng tập đoàn | phải trả khác | - | 314.797.805 |
| TỔNG CỘNG | | | 359.398.000.000 | 5.111.607.031 |

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Lãi suất %/năm | Ngày đáo hạn | Tài sản đảm bảo | Số dư gốc vay (VND) |
|--|-----------------------|-------------------|-----------------|--------------------|--------------------------|
| Cho vay ngắn hạn | | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại. | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 16/11/2017 | Không có | 900.000.000.000 |
| Công ty CP đầu tư xây dựng Tân Liên Phát | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 25/11/2017 | Không có | 470.000.000.000 |
| Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VINCOMMERCE | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 10/11/2017 | Không có | 160.000.000.000 |
| Công ty CP Phát triển đô thị Nam Hà Nội | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 07/12/2017 | Không có | 90.000.000.000 |
| | | | | | 1.620.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19) | | | | | |
| Công ty CP ĐT Dịch vụ Thương Mại TP Hồ Chí Minh | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 04/07/2018 | Không có | 2.910.000.000.000 |
| Công ty CP Đô thị Du lịch Cần Giờ | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 17/10/2017 | Không có | 1.600.000.000.000 |
| Tập đoàn Vingroup - Công ty CP | Công ty mẹ | 7% | Ngày 26/05/2018 | Không có | 1.758.000.000.000 |
| Công ty CP Phát triển nhà Phúc Đồng | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 24/08/2018 | Không có | 299.000.000.000 |
| Công ty CP Vinpearl | Công ty cùng tập đoàn | 8% | Ngày 29/06/2018 | Không có | 180.000.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển địa ốc Thành Phố Hoàng Gia | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 25/09/2018 | Không có | 180.000.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom | Công ty cùng tập đoàn | 7% | Ngày 11/04/2018 | Không có | 30.000.000.000 |
| | | | | | 6.957.000.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động mà Công ty là bên đi thuê

Công ty, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê đất và số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này cho thời hạn 50 năm vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 như sau:

| | Ngày 30 tháng 9 năm 2017 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 |
|------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | | <i>Đơn vị tính: VND</i> |
| Từ 1- 5 năm | 10.382.337.173 | 8.344.682.214 |
| Trên 5 năm | 248.344.269.859 | 250.381.924.818 |
| TỔNG CỘNG | 258.726.607.032 | 258.726.607.032 |

Các cam kết khác

- (i) Theo Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2011 ban hành bởi UBND thành phố Hà Nội, Công ty có trách nhiệm hoàn trả lô đất số G4 - HH16 (có diện tích 43.542 m²) và lô đất G4-NT (có diện tích ước tính khoảng 5.293 m²) thuộc dự án khu đô thị Vinhomes Riverside cho UBND thành phố Hà Nội;
- (ii) Theo Quyết định số 6802/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 ban hành bởi UBND thành phố Hà Nội, Công ty có trách nhiệm bàn giao lại các hạng mục: đất cây xanh, thể dục thể thao đơn vị ở, đất công cộng đơn vị ở (nhà văn hóa, trạm y tế) và đất trường học (trung học cơ sở) của dự án Khu đô thị Sinh thái Vinhomes Gardenia cho cơ quan chức năng sau khi xây dựng xong các hạng mục này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 19 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn 30 tháng và được lưu ký tại Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.

Không có sự nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Đoàn Thị Hà
Người lập



Nguyễn Hữu Thanh
Kế toán trưởng



Trần Hoài An
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2017